

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/DS-ST

Ngày: 22/3/2024

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Kiên.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Thống và bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:
Bà Đào Thị Diễm Linh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 548/2023/TLST-DS ngày 16/10/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXX - ST ngày 19/2/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/QĐST-DS ngày 06/3/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Nhật Thực N (vắng mặt)

Địa chỉ: I P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Hoàng A (có mặt)

Địa chỉ: H H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc L (vắng mặt)

Địa chỉ: A N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do quen biết nhau nên bà Nguyễn Nhật Thực N đã cho ông Nguyễn Ngọc L vay tiền 3 lần với số tiền lần lượt là :

Lần 1: Vào ngày 07/6/2021 số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Thời hạn vay 1 tháng, bà N đã chuyển khoản qua ngân hàng TMCP N1 (V) qua số tài khoản 0231 0005 90059 tên chủ tài khoản là Nguyễn Ngọc L. **Lần 2:** Vào ngày

07/6/2021 số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng). Thời hạn vay 1 tháng, bà N đã chuyển khoản qua ngân hàng TMCP N1 (V) qua số tài khoản 0231 0005 90059 tên chủ tài khoản là Nguyễn Ngọc L. Tổng số tiền ngày 07/6/2021, ông Nguyễn Ngọc L vay bà N là 390.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi triệu đồng)

Lần 3: Ngày 23/01/2022, ông L vay thêm với số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Thời hạn vay 1 tháng, bà N đã chuyển khoản qua ngân hàng TMCP N1 (V) qua số tài khoản 0231 0005 90059 tên chủ tài khoản là Nguyễn Ngọc L (có sao kê ngân hàng).

Các khoản vay trên vì quen biết và tin tưởng nên bà N và ông L không có giấy tờ thế chấp hay viết giấy tờ vay nào, bà N và Ông L thoả thuận với nhau lãi suất 20%/năm. Đến nay ông L không trả lãi và gốc như thoả thuận mặc dù bà N đã đòi nhiều lần nhưng ông Nguyễn Ngọc L vẫn không chịu trả số tiền gốc và lãi suất cho bà N. Đề nghị Q tòa giải quyết những vấn đề như sau: Buộc ông Nguyễn Ngọc L phải hoàn trả cho bà N tổng số tiền 690.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày khởi kiện là ngày 20/9/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Sau khi đối chiếu sao kê tài khoản ngân hàng, ngày 18/3/2024 bà Nguyễn Nhật Thục N làm đơn xin thay đổi nội dung đơn khởi kiện. Bà Nguyễn Nhật Thục N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Ngọc L hoàn trả số tiền 553.500.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc L cố tình lẩn tránh, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Ngọc L theo đúng trình tự tố tụng dân sự, nhưng ông Nguyễn Ngọc L đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX và đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Bị đơn vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết của UBTVQH số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Nhật Thục N. Buộc ông Nguyễn Ngọc L phải hoàn trả cho bà Nguyễn Nhật Thục N tổng số tiền 553.500.000 đồng tiền gốc.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Tp Buôn Ma Thuột theo quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 07/06/2021, ông Nguyễn Ngọc L vay bà Nguyễn Nhật Thục N là 390.000.000 đồng (chuyển khoản làm hai lần). Ngày 24/01/2022 ông Nguyễn Ngọc L vay thêm với số tiền 300.000.000 đồng. Các bên không làm hợp đồng vay tiền, không thế chấp tài sản, thời hạn vay theo lời trình bày của đại diện nguyên đơn là 1 tháng, các bên thoả thuận chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng TMCP N1 (V) số tài khoản 0231000590059 mang tên ông Nguyễn Ngọc L (có sao kê ngân hàng về số tiền đã chuyển). Đến thời hạn thanh toán nhưng ông L không thực hiện, do vậy các bên xảy ra tranh chấp.

Ngày 18/3/2024, bà Nguyễn Nhật Thục N làm đơn xin thay đổi nội dung đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Ngọc L hoàn trả số tiền 553.500.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Mặc dù các bên không lập hợp đồng vay mượn, nhưng căn cứ vào chứng cứ sao kê do ngân hàng cung cấp có căn cứ xác định ông Nguyễn Ngọc L đã nhận nhiều lần của bà Nguyễn Nhật Thục N và còn nợ lại số tiền 553.500.000 đồng.

Xét quan hệ pháp luật dân sự giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Bị đơn đã không thực hiện việc trả nợ như cam kết là vi phạm hợp đồng. Việc nguyên đơn khởi kiện đòi số tiền 553.500.000 đồng tiền gốc là có cơ sở cần chấp nhận.

Xét về lãi suất nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 465, 466, 467, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Nhật Thục N.

Buộc ông Nguyễn Ngọc L hoàn trả cho bà Nguyễn Nhật Thục N số tiền 553.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của [Bộ luật Dân sự năm 2015](#)

2. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc L phải chịu 26.140.000 án phí Dân sự sơ thẩm.

Bà **Nguyễn Nhật Thục N** được nhận lại số tiền 16.026.849 tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2022/0004654 ngày 06/10/2023.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh, VKSND tỉnh; **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
- **VKSND TP . BMT**;
- CCTHADS TP.BMT;
- Các đương sự liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Viết Kiên

